DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

TỔ HỢP KHTN - Phòng thi: 01

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Vật lý (MĐ)	Hóa học (MĐ)	Sinh học (MĐ)
1	000002	NGUYỄN PHÚC AN	25/09/2006	12C8			
2	000005	NGUYỄN HOÀI ANH	23/12/2006	12C9			
3	000013	LÊ QUỐC BẢO	30/08/2006	12C7			
4	000017	NGUYỄN THANH BÌNH	21/02/2006	12C4			
5	000018	PHAN VÕ THANH BÌNH	04/03/2006	12C4			
6	000022	ĐỖ HỮU CHÂU	16/08/2006	12C5			
7	000031	PHẠM CAO CHIẾN	26/01/2006	12C8			
8	000032	PHẠM NGỌC CHIẾN	05/06/2006	12C11			
9	000033	LÂM BẢO CHIÊU	23/08/2006	12C3			
10	000035	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	26/07/2006	12C3			
11	000045	NGUYỄN QUỐC DŨNG	27/06/2006	12C10			
12	000046	NGUYỄN TIẾN DŨNG	14/04/2006	12C9			
13	000047	HUỲNH CÔNG DUY	25/01/2006	12C8			
14	000048	NGUYỄN LONG BẢO DUY	04/06/2006	12C5			
15	000049	NGUYỄN NGỌC DUY	16/03/2006	12C6			
16	000058	LÊ THỊ THUỲ DUYÊN	16/03/2006	12C9			
17	000062	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	09/10/2006	12C3			
18	000066	HUỲNH QUỐC ĐẠI	23/02/2006	12C6			
19	000067	TRƯƠNG ĐẠI	18/11/2006	12C1			
20	000069	NGUYỄN PHÚC ĐẠT	16/08/2006	12C5			
21	000073	ĐINH HỮU GIA	27/04/2006	12C10			
22	000080	TRẦN THỤY NGÂN HÀ	13/05/2006	12C5			
23	000081	HUỲNH THỊ MỸ HẠNH	14/03/2006	12C1			
24	000083	HUỲNH HỮU HÀO	18/05/2006	12C11			

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

TỔ HỢP KHTN - Phòng thi: 02

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Vật lý (MĐ)	Hóa học (MĐ)	Sinh học (MĐ)
1	000084	TRẦN NGỌC ANH HÀO	25/07/2006	12C8			
2	000086	HỒ TUẤN HÀO	23/09/2006	12C1			
3	000096	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	31/03/2006	12C2			
4	000097	LÊ HUỲNH HIỆU	10/09/2006	12C7			
5	000101	LƯƠNG CÔNG HOÀI	26/01/2006	12C3			
6	000106	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/10/2006	12C4			
7	000112	DƯƠNG VIỆT HOÀNG	29/03/2006	12C1			
8	000117	NGUYỄN VÕ MINH HUÂN	05/12/2006	12C1			
9	000119	NGUYỄN PHI HÙNG	08/10/2006	12C6			
10	000122	NGUYỄN ĐỨC HUY	05/11/2006	12C9			
11	000126	PHAN GIA HUY	28/03/2006	12C2			
12	000127	TRƯƠNG GIA HUY	28/06/2006	12C3			
13	000131	NGUYỄN QUANG HUY	12/11/2006	12C1			
14	000133	NGUYỄN THÀNH HUY	13/01/2006	12C1			
15	000135	NGUYỄN NGỌC GIA HUYÊN	22/04/2006	12C1			
16	000138	NGUYỄN THANH HƯNG	04/09/2006	12C9			
17	000140	LÊ VĂN HỮU	08/10/2006	12C8			
18	000144	NGUYỄN THỊ HUYỀN KIM	31/01/2006	12C6			
19	000149	HUỲNH HOÀNG DUY KHANG	04/04/2006	12C2			
20	000151	LÊ MINH KHANG	24/05/2006	12C1			
21	000156	TRỊNH MINH KHOA	19/01/2006	12C6			
22	000157	NGUYỄN VIỆT KHOA	24/09/2006	12C4			
23	000163	NGUYỄN XUÂN LÂM	03/03/2006	12C9			
24	000166	ĐẶNG KHÁNH LINH	05/11/2006	12C2			

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

TỔ HỢP KHTN - Phòng thi: 03

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Vật lý (MĐ)	Hóa học (MĐ)	Sinh học (MĐ)
1	000167	NGUYỄN KHÁNH LINH	25/08/2006	12C4			
2	000170	LƯƠNG THANH QUYỀN LINH	22/07/2006	12C9			
3	000172	NGUYỄN CẢNH LĨNH	29/12/2006	12C1			
4	000173	TRẦN HOÀNG LONG	15/11/2006	12C1			
5	000174	VÕ PHI LONG	07/08/2006	12C1			
6	000175	NGUYỄN ĐOÀN ĐẠI LỘC	28/03/2006	12C6			
7	000180	TRẦN KIM LUYẾN	07/07/2006	12C9			
8	000181	DIỆP TỰ LỰC	09/04/2006	12C1			
9	000186	NGUYỄN HUỲNH TRÀ MY	06/09/2006	12C6			
10	000188	TÔ PHAN KIỀU MY	05/04/2006	12C1			
11	000190	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	29/04/2006	12C1			
12	000196	NGUYỄN HỒ NAM	05/05/2006	12C4			
13	000197	PHẠM VÂN NI	26/08/2006	12C8			
14	000207	HUỲNH THỊ THỤC NGÂN	09/07/2006	12C3			
15	000209	TRẦN THỦY NGÂN	08/06/2006	12C7			
16	000215	HUỲNH VŨ YẾN NGỌC	20/11/2006	12C8			
17	000216	HÀNG BẢO NGUYÊN	27/06/2006	12C3			
18	000227	TRẦN THANH NHÃ	01/01/2006	12C11			
19	000229	NGUYỄN HỒ HOÀI NHÂN	09/01/2006	12C11			
20	000235	PHAN NGUYỄN KHÁNH NHI	17/08/2006	12C2			
21	000240	HUỲNH YẾN NHI	30/03/2006	12C8			
22	000253	HỒ THANH PHÁT	25/01/2006	12C8			
23	000260	LÊ HUY PHÚ	12/02/2006	12C1			
24	000261	NGUYỄN MINH PHÚ	03/11/2006	12C8			

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

TỔ HỢP KHTN - Phòng thi: 04

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Vật lý (MĐ)	Hóa học (MĐ)	Sinh học (MĐ)
1	000262	PHAN MINH PHÚ	03/05/2006	12C9			
2	000263	LÊ NGỌC PHÚ	04/03/2006	12C8			
3	000267	LƯƠNG VĨNH PHÚC	18/06/2006	12C8			
4	000272	BÙI ĐOÀN THÁI PHƯƠNG	06/10/2006	12C1			
5	000276	VŨ NGỌC TÚ PHƯƠNG	15/10/2006	12C3			
6	000282	MAI NGUYỄN HOÀNG QUÂN	07/04/2006	12C4			
7	000283	DIỆP TIỂU ANH QUÂN	07/06/2006	12C9			
8	000285	VÕ HỒ MINH QUỐC	24/10/2006	12C9			
9	000286	TRẦN TRÍ QUÝ	29/01/2006	12C9			
10	000290	DƯƠNG NGỌC ÁI QUYÊN	01/04/2006	12C5			
11	000292	HỒ PHẠM MAI QUYỀN	14/09/2006	12C9			
12	000294	PHẠM NHƯ QUỲNH	20/12/2006	12C4			
13	000298	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	10/08/2006	12C2			
14	000301	NGUYỄN TRẦN TRÚC QUỲNH	11/04/2006	12C8			
15	000305	LƯU TẤN SANG	08/09/2006	12C1			
16	000309	PHẠM LƯU NGỌC SƠN	25/10/2006	12C10			
17	000312	ĐINH TẤN TÀI	14/05/2006	12C9			
18	000314	NGUYỄN TẤN TÀI	20/03/2006	12C10			
19	000316	TRẦN QUỲNH MỸ TÂM	19/12/2006	12C11			
20	000317	NGUYỄN TRẦN MINH TÂM	02/05/2006	12C11			
21	000319	LÊ NGUYỄN HOÀNG TÂN	25/11/2006	12C8			
22	000323	LÊ NGUYỄN KHÁNH TIÊN	20/04/2006	12C1			
23	000324	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	30/05/2006	12C3			
24	000326	THÁI ĐỒNG TIẾN	05/08/2006	12C3			

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

TỔ HỢP KHTN - Phòng thi: 05

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Vật lý (MĐ)	Hóa học (MĐ)	Sinh học (MĐ)
1	000334	NGUYỄN TRÍ TÍN	13/01/2006	12C3			
2	000335	NGUYỄN TRỌNG TÍN	16/12/2006	12C9			
3	000337	NGUYỄN NGỌC PHÚC TOÀN	11/05/2006	12C7			
4	000339	TRẦN TUẤN TÚ	15/05/2006	12C4			
5	000341	NGUYỄN XUÂN TÚ	26/06/2006	12C10			
6	000343	NGUYỄN HUY TUẤN	24/04/2006	12C3			
7	000346	ĐÀO TRƯƠNG ANH TUẤN	08/12/2006	12C5			
8	000349	TRẦN THANH TÙNG	11/09/2006	12C6			
9	000350	NGUYỄN DƯƠNG XUÂN TUYỀN	23/05/2006	12C6			
10	000352	NGUYỄN THỊ XUÂN TUYỀN	21/09/2006	12C9			
11	000357	TRẦN LƯU HƯƠNG THẢO	21/10/2006	12C11			
12	000360	LƯU THANH THẢO	23/10/2006	12C11			
13	000365	VÕ ĐẶNG QUỐC THẮNG	15/03/2006	12C11			
14	000366	TÔN THẤT MINH THẮNG	05/12/2006	12C3			
15	000367	NGUYỄN TRƯƠNG QUỐC THẮNG	07/07/2006	12C7			
16	000374	PHAN TẤN THIỆN	28/08/2006	12C6			
17	000375	HUỲNH VĂN THIỆN	16/07/2006	12C10			
18	000376	TRẦN ĐỨC THỊNH	27/12/2006	12C4			
19	000383	NGUYỄN TẤN THUẬT	29/12/2006	12C1			
20	000390	TRỊNH THỊ THU THỦY	06/07/2006	12C1			
21	000393	BÙI NGỌC MINH THƯ	04/11/2006	12C9			
22	000402	CAO LÊ THÙY TRÂM	12/03/2006	12C7			
23	000415	TRẦN NGUYỄN BẢO TRÂN	13/06/2006	12C6			
24	000418	THÁI MINH TRÍ	22/10/2006	12C7			

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

TỔ HỢP KHTN - Phòng thi: 06

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Vật lý (MĐ)	Hóa học (MĐ)	Sinh học (MĐ)
1	000419	NGUYỄN QUỐC TRỊ	09/08/2006	12C6			
2	000420	ĐẶNG MINH TRIẾT	22/07/2006	12C6			
3	000421	LÊ MINH TRIẾT	10/09/2006	12C1			
4	000422	PHẠM HUỲNH QUANG TRIỀU	17/04/2006	12C5			
5	000424	LÊ QUỐC TRÌNH	21/07/2006	12C4			
6	000430	NGUYỄN THANH TRUNG	30/10/2006	12C11			
7	000433	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	19/04/2006	12C4			
8	000434	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	30/03/2006	12C4			
9	000436	NGUYỄN THÀNH TRƯỞNG	28/04/2006	12C1			
10	000437	NGUYỄN HỒ NHẬT UYÊN	04/05/2006	12C10			
11	000442	TRUONG THỊ DIỄM VI	17/11/2006	12C5			
12	000444	NGUYỄN TUẤN VĨ	21/09/2006	12C10			
13	000447	NGUYỄN QUANG HÙNG VIỆT	19/01/2006	12C1			
14	000448	ĐÀO TẤT VINH	1/1/2006	TQT			
15	000449	LÊ ANH VŨ	20/11/2006	12C10			
16	000452	TRẦN NGỌC VŨ	17/12/2006	12C9			
17	000453	PHAN QUỐC VŨ	28/05/2006	12C1			
18	000460	NGUYỄN THỊ YẾN VY	28/10/2006	12C10			
19	000461	NGUYỄN VŨ THẢO VY	15/04/2006	12C3			
20	000469	LÊ THỊ HÀ YÊN	05/11/2006	12C7			